

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ T  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/DS-ST

Ngày 17-6-2019

*“V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH GIA LAI**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Thuồng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Thanh Cường và bà Tô Thị Lành.

***-Thư ký phiên tòa:***

Bà Nguyễn Thị Hoài Thơ, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:***

Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2019, về việc: *“Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2019/QĐST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà B, sinh năm 1964; có địa chỉ cư trú tại: Đường L, tổ 7, phường T, thành phố T, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà H, sinh năm 1965; có địa chỉ cư trú tại: Đường C, tổ 4, phường H, thành phố T, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong Đơn khởi kiện đề ngày 24/12/2018, bản tự khai đề ngày 24/12/2018, nguyên đơn là bà B trình bày:*

Do mối quan hệ quen biết nên ngày 10/01/2018, bà B có cho bà H vay số tiền 305.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay 10 ngày. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ, bà B đã nhiều lần yêu cầu bà H trả nợ số tiền đã vay như đã nêu trên nhưng bà H không trả.

Bà B làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H phải trả cho bà số tiền 305.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 10/01/2018 đến ngày làm đơn khởi kiện là 37.000.000 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án cho bị đơn là bà H, nhưng bà H không đến Tòa án.

Tại phiên tòa, bà B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án buộc bà H phải trả số tiền nợ gốc 305.000.000 đồng và tiền lãi suất trong hạn của số tiền nợ gốc tính từ ngày 10/01/2018 đến ngày 20/01/2018 theo mức lãi quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là 10%/năm và lãi quá hạn tính từ ngày 21/01/2018 đến 17/6/2019, theo mức lãi quá hạn là 15%/năm.

-Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”; bị đơn bà H có địa chỉ tại thành phố T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân thành phố T theo lãnh thổ và cấp xét xử.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, việc cấp và tổng đạt các giấy tờ cho Viện Kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà B, buộc bị đơn là bà H phải trả lại cho bà B số tiền nợ gốc 305.000.000 đồng và lãi trong hạn từ ngày 10-01-2018 đến 20-01-2018 theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và lãi quá hạn 15 %/năm từ ngày 21-01-2018 đến ngày 17-6-2019 theo yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn là bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bị đơn là bà H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án, như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà H không đến Tòa án. Vì vậy, căn cứ vào các Điều: 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn là bà H.

[2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả nợ tiền. Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là 01 tờ “*Giấy mượn tiền*”, nhưng bản chất của quan hệ là vay tài sản, thể hiện sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay đã giao tài sản là tiền cho bên vay và đã trở thành chủ sở hữu tài sản kể từ ngày viết giấy mượn tiền. Vì vậy,

quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản*”, quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn bà H có địa chỉ cư trú tại thành phố T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, theo lãnh thổ và cấp xét xử quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Chứng cứ gốc do bà B cung cấp là 01 tờ “Giấy mượn tiền” được viết theo mẫu và người mượn tiền là bà H đã ký ngày 10 tháng 01 năm 2018. Theo đó, bà H đã vay của bà B số tiền 305.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày, lãi suất vay theo thỏa thuận nhưng không xác định mức lãi cụ thể, cho nên đây là hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi theo quy định tại Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Khi đến hạn trả nợ, bà B đã nhiều lần yêu cầu bà H trả nợ tiền nhưng đến nay bà H chưa trả đồng nào. Vì vậy, bà B được quyền làm đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án buộc bà H phải trả nợ số tiền gốc và lãi suất theo hợp đồng vay tài sản như đã nêu trên.

[5] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án theo quy định của pháp luật cho bị đơn là bà H, nhưng bà H không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình về việc có chấp nhận hoặc phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã xác minh tại tổ dân phố nơi bà H cư trú là tổ 4 (nay là tổ2), phường H, thành phố T vào ngày 16 tháng 01 năm 2019, thì thấy: *Bà H là công dân đang sinh sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 146, đường C, tổ 4, phường H, thành phố T, bà H thường xuyên vắng mặt ở nhà, thỉnh thoảng có về nhà nên Tòa án không tổng đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng cho bà H.* Như vậy, việc Tòa án niêm yết công khai các văn bản tố tụng của vụ án như đã nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật, và bà H đã nhận được các văn bản tố tụng đó nhưng cố tình trốn tránh nghĩa vụ, từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[6] Bị đơn là bà H không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình về việc có chấp nhận hoặc phản đối yêu cầu của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét những chứng cứ, tài liệu do nguyên đơn là bà B cung cấp, theo quy định tại Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những căn cứ và nhận định tại các luận điểm [4] đến [6] nêu trên đã đủ cơ sở khẳng định ngày 10-01-2018, bà H đã vay của bà B số tiền 305.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày. Nhưng từ đó đến nay bà H chưa trả đồng nào cho bà B. Vì vậy, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền theo Hợp đồng vay tài sản đã ký.

Theo “Giấy mượn tiền”, hai bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất. Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà B yêu cầu tính lãi suất trong hạn theo lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 bằng 10%/năm và lãi quá hạn 15%/năm là phù hợp với Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng

Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên yêu cầu đó của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Như vậy, lãi suất trong hạn là:

$305.000.000 \text{ đồng} \times 10\% \times 10 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 835.616 \text{ đồng};$

Lãi quá hạn là:  $305.000.000 \text{ đồng} \times 15\% \times 512 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 64.175.342 \text{ đồng}.$

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn là bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

***Vì các lẽ trên,***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

-Căn cứ các Điều: 26, 35, 39, 91, 227, 228, 144, 147, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Căn cứ Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

-Áp dụng các Điều: 275, 278, 280, 466, 468, 470, 688 của Bộ luật Dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà B.

2. Buộc bà H phải thanh toán cho bà B số tiền: 370.010.958 (bằng chữ: Ba trăm bảy mươi triệu không trăm mười nghìn chín trăm năm mươi tám) đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 305.000.000 đồng, tiền lãi suất là 65.010.958 đồng.

3. Về lãi chậm thanh toán: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án là bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn là bà H phải chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 18.500.548 (bằng chữ: Mười tám triệu năm trăm nghìn năm trăm bốn mươi tám) đồng.

Bà B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho bà B số tiền 8.550.000 đồng (bằng chữ: Tám triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo theo lai thu số 0004460 ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Gia Lai.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Báo cho: Bà B được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (17-6-2019). Bà H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án này được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS TP.T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Trần Văn Thường***